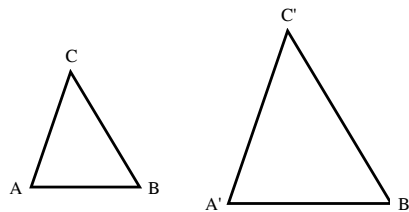


Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1898

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Cho hai tam giác đồng dạng $ABC \sim A'B'C'$ (như hình bên) với $AB = 5$, $A'B' = 10$, $BC = 6$. Độ dài $B'C'$ bằng:

A. 12

B. 6

C. 8

D. 18

Câu 2: Một hình chữ nhật có hai kích thước 9 và 12. Độ dài đường chéo bằng:

A. 21

B. 13

C. 15

D. 6

Câu 3: Phân tích đa thức $x^2 - 6x + 9$ thành nhân tử, ta được:A. $x(x - 6)$ B. $(x - 3)^2$ C. $(x - 3)(x + 3)$ D. $(x + 3)^2$ **Câu 4:** Bậc của đơn thức $5x^4y^3$ là:

A. 7

B. 14

C. 2

D. 15

Câu 5: Phân tích đa thức $x^2 + 11x + 24$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 3)(x - 8)$ B. $x(x + 11)$ C. $(x + 3)(x + 8)$ D. $(x + 3)^2$ **Câu 6:** Nghiệm của phương trình $3x - 27 = 0$ là:

A. 11

B. 3

C. 2

D. 9

Câu 7: Nghiệm của phương trình $3x - 21 = 0$ là:

A. 7

B. 16

C. 0

D. -1

A. 0 **B.** -6
C. -5 **D.** 3

A. 58
C. 46

B. 53
D. 47

A. 19 **B.** 13
C. 17 **D.** 5

A. 7 **B.** $x + 7$

C. $x - 7$ **D.** x

A. $(x + 6)^2$

B. $(x - 6)^2$

C. $x(x + 12)$

D. $(x + 6)(x - 6)$

Câu 1: Nghiệm của phương trình $4x = 24$ là: Trả lời:

Câu 3: Một tam giác vuông có hai cạnh góc vuông là 7 và 24. Độ dài cạnh huyền bằng: Trả lời:
.....

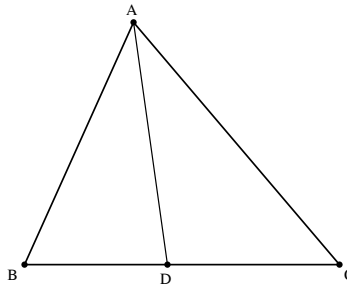
Câu 5: Rút gọn phân thức $6x/x$ (với $x \neq 0$) ta được: Trả lời:

Câu 6: Cho tam giác ABC có AD là đường phân giác của góc A (D thuộc BC).

a) Chứng minh $DB/DC = AB/AC$.

b) Cho $AB = 6$ cm, $AC = 9$ cm, $BC = 10$ cm. Tính độ dài DB và DC.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



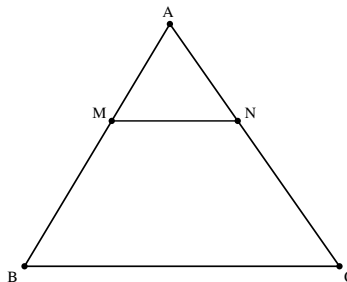
Câu 7: Cho tam giác ABC, đường thẳng d song song với BC, cắt cạnh AB tại M và cắt cạnh AC tại N .

a) Chứng minh $AM/AB = AN/AC$.

b) Chứng minh $AM/MB = AN/NC$.

c) Cho $AM = 3$ cm, $MB = 2$ cm, $AC = 7,5$ cm. Tính độ dài AN.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử học kỳ 2 môn Toán lớp 8 (Nâng cao) —
Đề số 17

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	B	A	C	D	A	D	B	B	B	A

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	6	26	25	9	6	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*